TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HẢI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18-02-2021
V/v "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI, TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quang Minh Nghiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Hoàng

2. Ông Nguyễn Thanh Tiền

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quốc Đại là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trung Thai - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 479/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXX-ST ngày 11 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lương Văn L, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp CĐ, xã LĐT, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết L1, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp CĐ, xã LĐT, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

(Anh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị L1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/5/2020, trong quá trình tố tụng anh Lương Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị L1 chung sống vào năm 2011, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, cha mẹ có tổ chức đám theo phong tục tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KBTB, huyện TVT, tỉnh Cà Mau năm 2013.

Trong thời gian chung sống anh với chị L1 phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là không cùng quan điểm, mỗi người có cách sống khác nhau, cuộc

sống hôn nhân luôn căng thẳng, không còn hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân 02 năm. Anh chị cũng nhiều lần hòa giải, hàn gắn nhưng không thành. Xét thấy tiếp tục chung sống cũng không còn hạnh phúc nên anh yêu cầu ly hôn.

Về con: Anh và chị L1 có hai người con chung là Lương Tấn P, sinh ngày 22/12/2012 và Lương Gia H, sinh ngày 04/01/2016, hiện nay con đang sống cùng anh. Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi hai người con và yêu cầu chị L1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi người con Lương Gia H, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ: Vợ chồng không có tài sản và nợ nên không yêu cầu giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Tuyết L1 trình bày ý kiến tại biên bản ghi lời khai và biên bản hòa giải ngày 22/10/2020.

Về hôn nhân: Chị thống nhất theo lời trình bày của anh L về quan hệ hôn nhân, trong thời gian chung sống chị và anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng không cùng quan điểm sống, hay phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải để hiểu nhau và tiếp tục chung sống nhưng không thành. Nay anh L yêu cầu ly hôn thì chị cũng đồng ý.

Về con: Chị và anh L có 02 người con là Lương Tấn P, sinh ngày 22/12/2012 và Lương Gia H, sinh ngày 04/01/2016 hiện nay đang sống cùng anh L, khi ly hôn chị đồng ý giao người con Lương Tấn Phát cho anh L nuôi, yêu cầu được nuôi người con Lương Gia H và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ: Chị và anh L không có tài sản và nợ nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định Luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng theo giấy triệu tập của Tòa án.

Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2011, anh L và chị L1 tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong thời gian chung sống giữa anh L và chị L1 phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, nay anh L yêu cầu ly hôn chị L1 cũng đồng ý. Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn của anh L và chị L1.

Về con chung: hai người con Lương Tấn P, sinh ngày 22/12/2012 và Lương Gia H, sinh ngày 04/01/2016 đang sống cùng với anh L, để ổn định cuộc sống của trẻ cần tiếp tục giao con cho anh L nuôi.

Về cấp dưỡng: anh L có yêu cầu chị L1 cấp dưỡng nuôi người con Lương Gia H theo quy định của pháp luật. Hiện nay chị L1 không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 745.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính

từ tháng 02/2021 cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Về tài sản và nợ: anh L và chị L1 không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng các đương sự nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Lương Văn L khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Tuyết L1, chị L1 có địa chỉ cư trú tại ấp Canh Điền, xã Long Điền Tây, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Anh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị L1 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh L và chị L1.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Năm 2011, anh L và chị L1 tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KBTB, huyện TVT, tỉnh Cà Mau vào năm 2013. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Trong thời gian chung sống giữa anh L và chị L1 phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không cùng quan điểm, mỗi người có một suy nghĩ, cách sống khác nhau, hiện nay anh L xác định mâu thuẫn giữa anh và chị L1 đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn, chị L1 đồng ý ly hôn với anh L.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ. Tuy nhiên, qua thời gian chung sống giữa anh L và chị L1 không thực hiện được mà còn phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân 02 năm. Hiện nay anh L yêu cầu ly hôn thì chị L1 cũng đồng ý. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh L và chị L1.

[2.2]. Về con chung: khi ly hôn anh L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi người con Lương Tấn P, sinh ngày 22/12/2012 và Lương Gia H, sinh ngày 04/01/2016. Chị L1 đồng ý giao người con Lương Tấn P cho anh L nuôi dưỡng, yêu cầu được nuôi người con Lương Gia H.

Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi anh L và chị L1 sống ly thân hai người con sống cùng anh L. Trong thời gian nuôi con anh L vẫn đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con. Ngoài ra, nguyện vọng của cháu Lương Tấn P muốn tiếp

tục sống cùng anh L. Nhằm tránh làm xáo trộn cuộc sống của con chưa thành niên nên cần tiếp tục giao hai người con cho anh L nuôi là phù hợp. Chị L1 có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được cản trở.

[2.3]. Về cấp dưỡng: Anh L yêu cầu chị L1 cấp dưỡng nuôi người con Lương Gia H, sinh ngày 04/01/2016, chị L1 không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình.

Về mức cấp dưỡng anh L yêu cầu theo quy định của pháp luật. Xét thấy hiện nay pháp luật chưa quy định cụ thể mà mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xác định mức cấp dưỡng nuôi con là ½ tháng lương cơ sở tương ứng số tiền 745.000 đồng/01 tháng. Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 02/2021 cho đến khi người con Lương Gia H tròn 18 tuổi.

Việc cấp dưỡng được thi hành ngay khi có yêu cầu của anh L.

[2.4]. Về tài sản và nợ: Anh L và chị L1 không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Anh L phải nộp số tiền 300.000 đồng, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp. Án phí cấp dưỡng chị L1 nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lương Văn L với chị Nguyễn Thị Tuyết L1.

2. Về con chung: Giao hai người con Lương Tấn P, sinh ngày 22/12/2012 và Lương Gia H, sinh ngày 04/01/2016 cho anh Lương Văn L tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Tuyết L1 có quyền, nghĩa vụ thăm con không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Buộc chị Nguyễn Thị Tuyết L1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi người con Lương Gia H, sinh ngày 04/01/2016, mức cấp dưỡng là 745.000 đồng/01 tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2021 đến khi con tròn 18 tuổi.

Việc cấp dưỡng được thi hành ngay khi có yêu cầu của anh Lương Văn L.

4. Về tài sản chung và nợ: anh Lương Văn L và chị Nguyễn Thị Tuyết L1 không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Anh Lương Văn L nộp số tiền 300.000 đồng, anh Lương Văn L đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền

số 0007871 vào ngày 01/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hải được chuyển thu án phí.

Án phí cấp dưỡng chị Nguyễn Thị Tuyết L1 nộp 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Án xử công khai, anh Lương Văn L, chị Nguyễn Thị Tuyết L1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đông Hải;
- Chi Cục THA.DS huyện Đông Hải;
- UBND xã KBTB, huyện TVT, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quang Minh Nghiêm